TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 15-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ: Số 36 H, phường O, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Đức T – Chuyên gia xử lý nợ Ban xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 590/UQ-TGĐ.22 ngày 15 tháng 12 năm 2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1959 và bà Phạm Vân A, sinh năm 1966; đều có nơi cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) do ông Võ Đức T là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngân hàng cho bị đơn ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A vay tiền theo hai hợp đồng tín dụng gồm:

Ngày 01/9/2021 Ngân hàng và ông Lê Văn H, bà Phạm Vân A ký Hợp đồng cho vay từng lần số 5864/21/TD-TT/XI.3 (sau đây viết tắt là Hợp đồng từng lần), theo nội dung Hợp đồng từng lần, Ngân hàng cho ông H bà Vân A vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích: Tiêu dùng (Vay mua bất động sản tại thử 98C, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng); Thời hạn vay: 204 tháng kể từ ngày 06/09/2021 đến ngày 07/09/2038; Lãi suất cho vay được quy định tại Giấy nhận nợ số 5864/21/TD-TT/XI.3-01 ngày 06/09/2021: 12 tháng đầu tiên là 7.99%/năm, từ tháng 13 đến 36 lãi cơ sở tại thời kỳ đổi lãi tương ứng + biên độ 3.4%/năm, từ tháng 37 trở đi lãi cơ sở tại thời kỳ đổi lãi tương ứng + biên độ 3.9%/năm, tần suất thay đổi lãi suất 03 tháng/1 lần, kể từ thời điểm 06/9/2022; phương thức trả nợ: định kỳ hàng tháng vào ngày 01 hàng tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01/10/2021; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 08/9/2021 Ngân hàng và ông Lê Văn H ký Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 42/21/VISA/XI.3 (sau đây viết tắt là Hợp đồng thẻ) với số tiền hạn mức sử dụng thẻ là 200.000.000 đồng. Mục đích: Thực hiện các giao dịch thanh toán; Thời hạn: Tối đa 03 năm kể từ ngày Ngân hàng phát hành thẻ; Lãi suất khi cho vay: 24%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được tính trên dư nợ gốc, phí 11.000đồng/tháng và được tính trên từng giao dịch thẻ áp dụng kể từ ngày liền kề sau khi dư nợ thẻ bị chuyển quá hạn theo quy định của Ngân hàng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên tại Ngân hàng, ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A đã ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 1291/TCTS-NĐC.21, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/09/2021 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hải Phòng để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98C, tờ bản đồ số 01 tại xã Hồng Thái, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 767225, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02464 QSDĐ do Uỷ ban nhân dân huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/11/1997 cho bà Trần Thị Xi. Ngày 26/08/2021 đăng ký sang tên cho ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A. Tài sản được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Thực hiện các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A vay số tiền 3.000.000.000đồng theo Giấy nhận nợ số 5864/21/TD-TT/XI.3-01 ngày 06/09/2021; phát hành, kích hoạt thẻ tín dụng theo Hợp đồng thẻ cho ông H vào ngày 08/9/2021, ông H sử dụng thẻ từ ngày

01/12/2021 để thực hiện các giao dịch thanh và tính đến ngày 20/8/2022 dư nợ gốc của thẻ tín dụng là 197.134.014 đồng.

Ông H và bà Vân A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên khi không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Đối với Hợp đồng từng lần, tính đến ngày 01/6/2022 ông H và bà Vân A mới trả được số tiền nợ gốc là 117.648.978 đồng, lãi trong hạn là 157.237.947 đồng, lãi quá hạn là 34.288 đồng tiền và từ ngày 01/6/2022 đến ngày 15/5/2023 ông H và bà Vân A không trả bất kỳ khoản tiền nào của Hợp đồng từng lần. Đối với Hợp đồng thẻ, ngày 09/6/2022 là ngày cuối cùng ông H sử dụng thẻ để thanh toán chi tiêu và phát sinh nợ gốc với số tiền là 197.134.014 đồng, số tiền này ông H, bà Vân A chưa thanh toán cho Ngân hàng đồng thời phát sinh nợ quá hạn từ ngày 20/6/2022 và kỳ tính lãi quá hạn là vào ngày 20 hàng tháng. Ngân hàng đã yêu cầu ông H và bà Vân A thanh toán nợ theo các hợp đồng tín dụng nên trên nH đến nay ông H và bà Vân A vẫn chưa thành toán được.

Như vậy, tính đến ngày 15/5/2023 ông H và bà Vân A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền của các hợp đồng nêu trên là 3.489.452.479 đồng, cụ thể:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng từng lần là 3.236.322.062 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.882.351.922 đồng, nợ lãi trong hạn là 340.552.944 đồng và nợ lãi quá hạn là 13.417.196 đồng (lãi tính đến ngày 15/5/2023).

- Số tiền nợ theo Hợp đồng thẻ là 253.130.417 đồng, trong đó: nợ gốc là 197.134.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 55.196.632 đồng và tiền phí là 799.771 đồng (lãi tính đến hết ngày 20/4/2023).

Do ông H và bà Vân A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà Vân A phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 15/5/2023 với số tiền là là 3.489.452.479 đồng và tiền lãi phát sinh đối với Hợp đồng từng lần tính từ ngày 16/5/2023, tiền lãi phát sinh đối với Hợp đồng thẻ tính từ ngày 21/4/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ.

Trường hợp ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 814m^2 thuộc thửa đất số 98C, tờ bản đồ số 01 tại tại xã Hồng Thái, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng

Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bị đơn về thời gian trả nợ, miễn khoản tiền lãi và tự bán tài sản bảo đảm để trả nợ.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A trình bày:

Ông bà và Ngân hàng có ký các hợp đồng tín dụng nêu trên và còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 31/3/2023 là 3.396.354.146 đồng. Khoản vay của ông bà được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98C, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ tại xã Hồng Thái, huyện An Hải (nay

là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng như lời khai của Ngân hàng. Ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian là 6 tháng kể từ ngày 01/4/2023 để trả nợ gốc, tự bán tài sản bảo đảm để trả nợ và đề nghị Ngân hàng miễn, giảm khoản tiền lãi. Trường hợp hết thời hạn 6 tháng ông bà không trả nợ thì ông bà không đồng ý phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hàng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 298, 299, 463, 466, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A. Buộc ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 15/5/2023 là 3.489.452.479 đồng, trong đó tiền nợ của Hợp đồng từng lần là 3.236.322.062 đồng, tiền nợ của Hợp đồng thẻ là 253.130.417 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng kể từ ngày 16/5/2023 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông H và bà Vân A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông H và bà Vân A đối với Ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích đất 814m^2 thuộc thửa đất số 98C, tờ bản đồ số 01 tại xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông H và bà Vân A, nếu thiếu ông H và bà Vân A phải tiếp tục trả nợ. Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông H bà Vân A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng từng lần và Hợp đồng thẻ ký giữa Ngân hàng và ông H và bà Vân A đã được hai bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, các hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ là giải ngân cho ông H bà Vân A vay 3.000.000.000 đồng (theo Hợp đồng từng lần) tại Giấy nhận nợ ngày 06/9/2021 và phát hành, kích hoạt thẻ tín dụng cho ông H sử dụng với số tiền hạn mức là 200.000.000đồng (theo Hợp đồng thẻ) vào ngày 08/9/2021. Ông H bà Vân A đã nhận đủ số tiền vay và đã trả Ngân hàng một phần tiền vay của Hợp đồng từng lần với số tiền gốc là 117.648.078 đồng, tiền lãi trong hạn là 157.237.947 đồng và lãi quá hạn là 34.288 đồng. Đối với Hợp đồng thẻ, ông H sử dụng thẻ để thanh toán các giao dịch mua sắm từ ngày 01/12/2021 đến ngày 20/8/2022 phát sinh số tiền chưa thanh toán là 197.134.014 đồng. Do ông H bà Vân A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ các hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ theo quy định tại các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc: Căn cứ lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ các chứng cứ do Tòa án thu thập thì số tiền nợ gốc Ngân hàng đã giải ngân cho ông H bà Vân A theo Hợp đồng từng lần là 3.000.000.000 đồng và số tiền ghi nợ theo Hợp đồng thẻ là 197.134.014 đồng. Ông H bà Vân A đã trả Ngân hàng số tiền gốc là 117.648.078 đồng (của Hợp đồng từng lần) và còn nợ 3.079.485.936 đồng, trong đó nợ gốc của Hợp đồng từng lần là 2.882.351.922 đồng và nợ gốc của Hợp đồng thẻ là 197.134.014 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông H bà Vân A phải trả số tiền nợ gốc 3.079.485.936 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi: Số tiền nợ gốc ông H bà Vân A tại các Hợp đồng từng lần và Hợp đồng thẻ lần lượt chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/6/2022 và 20/6/2022, các hợp đồng tín dụng đã ký đều có có thỏa thuận về lãi vay, lãi quá hạn, phí duy trì thẻ. Do ông H bà Vân A đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phí duy trì thẻ.

[3.3] Căn cứ vào các bảng tính lãi ngày 15/5/2023 do Ngân hàng cung cấp thì ông H bà Vân A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền lãi từ các hợp đồng tín dụng nêu trên là 409.966.543 đồng, trong đó: Lãi của Hợp đồng từng lần tính đến ngày 15/5/2023 là 353.970.140 đồng (gồm lãi trong hạn 340.552.944 đồng, lãi quá hạn 13.417.196 đồng) và lãi và phí của Hợp đồng thẻ tính đến hết ngày 20/4/2023 là 55.996.403 đồng (gồm lãi quá hạn 55.196.632 đồng và tiền phí là 799.771 đồng). Như vậy, buộc ông H và bà Vân A phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ từ các hợp đồng tín dụng nêu trên là 3.489.452.479 đồng, gồm: Số tiền nợ theo Hợp đồng từng lần tính đến ngày 15/5/2023 là 3.236.322.062 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.882.351.922 đồng, lãi trong hạn là 340.552.944 đồng, lãi quá hạn là 13.417.196 đồng. Số tiền nợ theo Hợp đồng thẻ tính đến hết ngày 20/4/2023 là 253.130.417 đồng, trong đó: nợ gốc là: 197.134.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 55.196.632 đồng và tiền phí là 799.771 đồng.

[3.4] Kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2023 (đối với Hợp đồng từng lần) và từ ngày 21/4/2023 (đối với Hợp đồng thẻ), ông H bà Vân A còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Đối với đề nghị giảm tiền lãi, thời gian trả nợ, tự bán tài sản bảo đảm của bị đơn đưa ra nH Ngân hàng không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của ông H bà Vân A tại Ngân hàng, ông H bà Vân A đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98C diện tích 814m^2, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hy Tái, xã Hồng Thái, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 767225, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02464 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/11/1997 cho bà Trần Thị Xi, chuyện nhượng cho ông H và bà Vân A ngày 26/8/2021 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1291/TCTS-NĐC.21, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/09/2021 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hải Phòng. Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực, thẩm quyền, được chứng nhận bởi cơ quan công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp về các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định: "Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ (nợ gốc hoặc lãi hoặc phí hoặc các khoản phải trả khác) mà Bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả". Do ông H và bà Vân A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng đã ký nên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại các điều 298, 299, 500, 501 và 502 Bộ luật Dân sự và các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H và bà Vân A phải chịu án phí dân sơ thẩm; ông H là người cao tuổi nH không có đơn đề nghị miễn án phí nên không được miễn án phí. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 298, 299, 463, 466, 500, 501 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A buộc:

1.1. Ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền là 3.489.452.479 đồng (Ba tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bẩy mươi chín nghìn đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số 5864/21/TD-TT/XI.3 ngày 01 tháng 9 năm 2021 tính đến ngày 15/5/2023 là 3.236.322.062 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.882.351.922 đồng, nợ lãi trong hạn là 340.552.944 đồng và nợ lãi quá hạn là 13.417.196 đồng.

- Số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 42/21/VISA/XI.3 ngày 08 tháng 9 năm 2021 tính đến hết ngày 20/4/2023 là 253.130.417 đồng, trong đó: nợ gốc là 197.134.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 55.196.632 đồng và tiền phí là 799.771 đồng.

Kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2023 (đối với Hợp đồng cho vay từng lần số 5864/21/TD-TT/XI.3 ngày 01 tháng 9 năm 2021) và kể từ ngày 21/4/2023 (đối với Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng số 42/21/VISA/XI.3 ngày 08 tháng 9 năm 2021) bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi vay của số tiền nợ gốc của từng hợp đồng chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 814m^2 thuộc thửa đất số 98C, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hy Tái, xã Hồng Thái, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 767225, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02464 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/11/1997 cho bà Trần Thị Xi, chuyển nhượng cho ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A ngày 26/8/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1291/TCTS-NĐC.21, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/09/2021 tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hải Phòng. Trường hợp phát mại tài sản trên nH chưa đủ để thu hồi nợ thì ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

2. Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Phạm Vân A phải liên đới chịu 101.789.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 48.660.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0004440 ngày 20 tháng 02 năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi thành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên